TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/LĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân
2. Bà Nguyễn Thị Song Trà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-LĐ ngày 10-01-2019 về việc "*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2019/QĐXXST - LĐ, ngày 02-10-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Văn D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ A (nay là tổ B), phường F, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ D (nay là tổ E), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27-8-2018). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần V;

Địa chỉ trụ sở: Lô X, khu công nghiệp Q, phường F, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh B là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội tỉnh Q

Địa chỉ: Số A đường C, phường F, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tiêu S là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Giám đốc)

Ông Lê Thành V – chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Q là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1545/UQ BHXH ngày 23-10-2019). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đinh Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Tạ Văn D bắt đầu ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần V từ tháng 7 năm 2010. Trong quá trình làm việc từ tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần V không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông D, mặc dù hàng tháng Công ty vẫn trừ 10,5% tiền lương. Ngày 03 tháng 12 năm 2015 ông D có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty Cổ phần V. Ngày 07-12-2015 Công ty Cổ phần V ra Quyết định số 344/QĐ – HĐQT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Tạ Văn D.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-12-2018, nguyên đơn trình bày kể từ khi có quyết định chấm dứt hợp đồng, Công ty Cổ phần V vẫn chưa đóng các loại bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q cụ thể: Bảo hiểm xã hội là 13.608.598 đồng, bảo hiểm y tế là 278.626 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 291.666 đồng và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là 27.402 đồng. Tổng cộng là 14.206.292 đồng. Yêu cầu Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm các khoản trên cho ông D tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho ông D giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26-6-2019, ông Tạ Văn D có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc Công ty Cổ phần V phải đóng tiền lãi chậm đóng của các khoản bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông số tiền là 5.261.782 đồng.

Sau đó, Công ty Cổ phần V đã trả một khoản tiền để chốt sổ bảo hiểm cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty Cổ phần V chỉ còn nợ người lao động hai khoản là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội nhưng đến tháng 7 năm 2016 tách ra thành bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D từ

tháng 12 năm 2013 đến ngày 31-10-2019 tổng cộng là 21.935.904 đồng; trong đó nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 13.636.000 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 923.649 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 10 năm 2019 là 7.376.255 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D.

Bị đơn là Công ty Cổ phần V không có lời trình bày.

Tại văn bản đề ngày 25-10-2019 và tại phiên tòa, ông Lê Thành V là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Q trình bày:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận số tiền nợ của người lao động đến ngày 31-10-2019: về tiền gốc bảo hiểm các loại giảm so với thời điểm xác nhận số liệu đến ngày 30-6-2018, khoản lãi tăng do Công ty Cổ phần V tiếp tục nợ từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019. Lý do là vì Công ty Cổ phần V đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được ưu tiên phân bổ vào số tiền nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận số tiền nợ gốc của các lao động mà Công ty Cổ phần V chưa đóng là khoản nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội nhưng đến tháng 7 năm 2016 tách ra thành bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) và Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội; việc đóng, hưởng quản lý và sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của Luật an toàn, vệ sinh lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Đối với trường hợp của ông Tạ Văn D có mã sổ Bảo hiểm xã hội là 0111123493. Bảo hiểm xã hội tỉnh Q xác nhận Công ty Cổ phần V chưa đóng bảo hiểm cho ông Tạ Văn D tổng cộng là 21.935.904 đồng; trong đó nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 13.636.000 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 923.649 đồng, lãi từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 10 năm 2019 là 7.376.255 đồng. Theo qui định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14-4-2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Công ty Cổ phần V phải có trách nhiệm đóng đủ số tiền còn nợ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D tiền gốc là 13.636.000 đồng, tiền nợ lãi là 8.299.904 đồng (lãi tính đến ngày 31-10-2019) tổng cộng là 21.935.904 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần V đóng xong các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho ông D để Bảo hiểm xã hội xác nhận được sổ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 32, Điều 35, khoản 4 Điều 91, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 18, 91, 92, 94 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 6, 37, 47, khoản 1 Điều 201, Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 41 Luật an toàn vệ sinh lao động năm 2015; khoản 3 Điều 6 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27-11-2015 của Thủ tướng chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; điểm đ khoản 1 Điều 62 Quyết định 1111/QĐ-BHXH ngày 25-10-2011 về ban hành quy định quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; khoản 3 Điều 46 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14-4-2017 về ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 30-02-3016 hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; Điều 12, 14, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông D.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn D. Buộc Công ty Cổ phần V phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng đủ số tiền nợ bảo hiểm xã hội tổng cộng là 21.935.904 đồng, trong đó tiền nợ bảo hiểm xã hội gốc là 13.636.000 đồng, tiền lãi chậm đóng tính đến tháng 10 năm 2019 là 8.299.904 đồng cho ông Tạ Văn D, tính lãi phát sinh trên số tiền gốc bảo hiểm xã hội chậm đóng theo quy định của bảo hiểm xã hội cho đến khi trả xong.

- Về phần án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn là Công ty Cổ phần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty Cổ phần V ủy quyền cho ông Trần Văn P (không phải là thành viên công ty) tham gia tố tụng. Tuy nhiên, tại Điều 47 của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần V quy định: "Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện

Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho Giám đốc điều hành trong giai đoạn tranh tụng". Do đó, việc ủy quyền nêu trên là không hợp lệ nên không được Tòa án chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm y tế 278.626 đồng, bảo hiểm thất nghiệp 291.666 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Công ty Cổ phần Tổng hợp V, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh B, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng ông Lê Thanh B không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn D và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Tạ Văn D buộc bị đơn là Công ty Cổ phần V phải đóng tiền nợ bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Hợp đồng lao động đã ký giữa ông Tạ Văn D và Công ty Cổ phần V thì ông Tạ Văn D là bảo vệ tại Công ty Cổ phần V. Quyền lợi được hưởng, tiền lương theo thời gian hoặc lương khoán, các bên có trách nhiệm trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành. Hai bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng qui định của pháp luật, do đó Hợp đồng lao động lập ngày 01-7-2014 giữa ông Tạ Văn D và Công ty cổ phần V có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng ông D đã thực hiện công việc tại Công ty cổ phần V theo đúng nội dung hợp đồng đã ký đến ngày 07-12-2015 Công ty Cổ phần V ban hành Quyết định số: 344/QĐ-HĐQT về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Tạ Văn D kể từ ngày 14-12-2015 với lý do ông D có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động.

Ông Tạ Văn D có mã sổ Bảo hiểm xã hội là 0111123493. Công ty Cổ phần V đã đăng ký khai đóng bảo hiểm cho ông D tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Q và đã trích thu nhập hàng tháng của ông D nhưng không đóng đầy đủ, đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho ông D là không thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 18 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 14, Điều 134 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Yêu cầu khởi kiện của ông D buộc Công ty Cổ phần V là có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử buộc Công ty Cổ phần V phải đóng bảo hiểm xã

hội cho ông Tạ Văn D từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 13.636.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần V phải đóng số tiền lãi do chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào khoản 3 Điều 138 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03-02-2016 của Bộ tài chính và Công văn số 1379/BHXH-BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng Bảo hiểm xã hội phải được tính lãi suất. Do Công ty Cổ phần V chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội cho ông D nên Công ty Cổ phần V phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến ngày 31-10-2019. Cụ thể nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 13.636.000 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 11 năm 2015 là 923.649 đồng, nợ lãi từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 10 năm 2019 là 7.376.255 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty Cổ phần V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 658.000 đồng (21.935.904 đồng x 3%) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động. Nguyên đơn là ông Tạ Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, 37, 47, khoản 1 Điều 201, Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 14, 15, 18, 91, 92, 94, khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT – BTC ngày 03-02-2016 của Bộ tài chính và Công văn số 1379/BHXH – BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn D: Buộc Công ty Cổ phần V có nghĩa vụ phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D số tiền gốc là 13.636.000 đồng và tiền lãi là 8.299.904 đồng, tổng cộng là 21.935.904 đồng. Công ty Cổ phần V còn phải đóng tiền lãi phát sinh kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi đóng xong tiền nợ bảo hiểm xã hội cho ông Tạ Văn D theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V phải đóng tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Tạ Văn D.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần V phải chịu 658.000đ (Sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa